TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 142/2024/DS-PT
Ngày 14 – 8 – 2024
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Bà Mai Vương Thảo

Bà Trần Thị Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Huỳnh Mạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14-8-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2024/TLPT-DS ngày 26-4-2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 13-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 101/2024/QĐ-PT ngày 03-7-2024 ; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Công C**, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Thôn D, xã E, thị xã F, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1955; Địa chỉ: Tổ 3, thôn G, xã I, huyện V, thành phố Đà Nẵng; *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Lê Thanh L, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Số 04 đường K, xã M, huyện V, thành phố Đà Nẵng; theo Giấy uỷ quyền lập ngày 24-5-2024 tại Văn phòng Công chứng Trần Thị Thanh B; có mặt.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Tổ 3, thôn G, xã N, huyện V; có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - ông Trần Công C trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án:*

Ngày 12-4-2021, bà Nguyễn Thị T có mượn của ông Trần Công C số tiền 600.000.000đ. Đến ngày 08-12-2021 bà Nguyễn Thị T mượn tiếp số tiền 489.200.000đ để trả nợ. Cả hai lần mượn tiền bà Nguyễn Thị T đều viết giấy mượn tiền với tổng số tiền đã mượn của ông C là 1.089.200.000đ. Để vay số tiền trên thì bà T có đưa cho ông C một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay là thửa đất số 466, tờ bản đồ số 15, diện tích 130m2, số sổ: 21xx, QSDĐ/248 QĐUB cấp ngày 24-01-1992.

Nay ông Trần Công C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả lại số tiền gốc đã vay là 1.089.200.000đ và tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng là: 1.089.200.000đ x 0.012 =13.070.400đ x 20 tháng = 261.408.000đ. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: 1.350.608.000đ.

Tại phiên toà nguyên đơn ông Trần Công C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu bà T trả số tiền gốc là: 1.085.000.000đ. Tiền lãi yêu cầu theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 12-4-2021 đến 13-3-2024 (35 tháng) là 261.398.000đ). Tổng cộng yêu cầu bà T phải trả là: 1.346.398.000đ.

** Bị đơn - bà Nguyễn Thị T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:*

Bà và ông C có mối quan hệ quen biết nhau nên tôi có mượn ông C số tiền 800.000.000đ để làm giấy tờ đất. Vì thế tôi và ông C có xác lập giấy mượn tiền ngày 12-4-2021 số tiền là 600.000.000đ và ngày 08-12-2021 là 489.200.000đ bao gồm tiền gốc: 200.000.000đ và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 6%/ tháng. Bên cạnh đó để đảm bảo cho khoản vay tôi cũng thế chấp bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng số sổ 21xx đứng tên Nguyễn Thị T.

Như vậy, tổng số tiền theo giấy mượn tiền ngày 12-4-2021 và 08-12-2021 là 1.089.200.000đ bao gồm tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất 6% như ông C đã yêu cầu tôi trả theo đơn khởi kiện trước đó. Tuy nhiên, trên thực tế ông C chỉ chuyển cho tôi mượn tổng số tiền 750.000.000đ, còn đối với số tiền 339.200.000đ là tiền lãi (với mức lãi suất 6%/ tháng) thì tôi không đồng ý trả vì đối với mức lãi suất thoả thuận trên đã vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay theo quy định pháp luật.

Do đó, việc ông Trần Công C yêu cầu Toà án buộc tôi phải trả cho ông C số tiền nợ gốc là: 1.089.200.000đ và tiền lãi với mức lãi suất 0.012/tháng trên số tiền nợ gốc là 261.408.000đ thì tôi không chấp nhận. Tôi chỉ đồng ý sẽ trả cho ông C số tiền nợ gốc mà tôi đã mượn là 750.000.000đ và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất 10%/năm theo quy định pháp luật. Đồng thời tôi yêu cầu ông C giao lại cho tôi bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Nguyễn Thị T mà trước đó tôi đã thế chấp cho ông C.

** Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng đã xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 13-3-2024 như sau:*

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 464, 465, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của ông Trần Công C đối với bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Trần Công C số tiền: 1.346.398.000đ. Trong đó, tiền gốc là: 1.085.000.000đ, tiền lãi là 261.398.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 52.391.000. Hoàn trả lại cho ông Trần Công C số tiền: 26.259.120 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000828 ngày 07-12-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* *Đơn kháng cáo:* Ngày 28-8-2023, bà Nguyễn Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm nói trên và yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm; bà T chỉ vay ông Trần Công C số tiền 800.000.000đ và xin miễn giảm lãi cho bà.

* *Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm,* ông Trần Công C và người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị T đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

* *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu* ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự do nội dung thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Trần Công C và người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị T đã thống nhất thỏa thuận được các nội dung sau:

1. Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Công C số tiền là 1.100.000.000đ.

Thời hạn thanh toán chậm nhất đến ngày 14-11-2024.

2. Sau khi bà Nguyễn Thị T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Công C thì ông Trần Công C có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T bản gốc: 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 011402 ngày 24-01-1997 do UBND huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 466, tờ bản đồ 15, địa chỉ xã N, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy những nội dung thỏa thuận của các bên đương sự như trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự để sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Về án phí dân sự: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên đương sự có kháng cáo là bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Đồng thời, án phí sơ thẩm được xác định lại theo nội dung các bên đương sự đã thỏa thuận được, bà T chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán.

Tuy nhiên, do bà Nguyễn Thị T thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn nộp tạm ứng áp phí, án phí nên được Hội đồng xét xử xét miễn toàn bộ án phí sơ thẩm, phúc thẩm cho bà T.

[3] Các đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 148, 293, 300, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 463, 464, 465, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự;

- Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 2, Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 13-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng;

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Công C số tiền là **1.100.000.000đ** (một tỷ, một trăm triệu đồng).

Thời hạn thanh toán chậm nhất đến ngày 14-11-2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Sau khi bà Nguyễn Thị T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Công C thì ông Trần Công C có nghĩa vụ phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T bản gốc: 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 011402 ngày 24-01-1997 do UBND huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 466, tờ bản đồ 15, địa chỉ xã N, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

II. Án phí:

1. Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm bà Nguyễn Thị T phải chịu nhưng được miễn nộp án phí.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002013 ngày 08-4-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

2. Hoàn trả lại cho ông Trần Công C số tiền tạm ứng án phí 26.259.120đ đã nộp theo biên lai thu số 0000828 ngày 07-12-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- TAND H.Hoà Vang, TPĐN;
- Chi cục THADS H.Hoà Vang, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Thanh Mai